

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN ĐKKV CAI LẬY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 450/BVĐKCL-HCQT
V/v mời chào giá Thuê giám sát
chất lượng nước sạch phục vụ
mục đích sinh hoạt và chất lượng
nước RO phục vụ cấp nước uống
năm 2026 (Gia hạn lần 1)

Cai Lậy, ngày 22 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các Công ty

Căn cứ Công văn số 340/BVĐKCL-HCQT ngày 14/8/2025 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy về việc mời chào giá Thuê giám sát chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt và chất lượng nước RO phục vụ cấp nước uống năm 2026;

Để đảm bảo tăng tính cạnh tranh trong đấu thầu, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy tiếp tục mời chào giá Thuê giám sát chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt và chất lượng nước RO phục vụ cấp nước uống năm 2026.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy mời các Quý Công ty có quan tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ báo giá theo danh mục và biểu mẫu chào giá với các nội dung như sau:

1. Danh mục mời chào giá:

STT	Tên dịch vụ	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1	Thuê giám sát chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt và chất lượng nước RO phục vụ cấp nước uống năm 2026	Dịch vụ	01	(Đính kèm danh mục dịch vụ có yêu cầu thực hiện và kết quả đầu ra)
Tổng cộng: 01 khoản				

2. Biểu mẫu chào giá:

Tên Công ty: ...

Địa chỉ:...

SĐT, Email:...

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy

Trên cơ sở mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy, Công ty chúng tôi chào giá cung cấp dịch vụ như sau:

Đvt: Đồng

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Thuê giám sát chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt và chất lượng nước RO phục vụ cấp nước uống	Dịch vụ	01		
	Tổng cộng: 01 khoản				

Danh mục dịch vụ có yêu cầu thực hiện và kết quả đầu ra

Stt	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu thực hiện			Kết quả đầu ra
		Thông số	Tần suất	Vị trí lấy mẫu	
1					
...					

(Số tiền bằng chữ:.....)

* Ghi chú:

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí khác liên quan;
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy – Số 398, đường Quốc lộ 1, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp.
- Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày báo giá (nếu có);

Ngàytháng....năm...

Đại diện của Công ty

(Ký và đóng dấu(nếu có))

3. Nơi nhận bảng chào giá

- Báo giá được để trong phong bì niêm phong và đóng giáp lai.
- Ngoài bì thư ghi rõ: “Báo giá Thuê giám sát chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt và chất lượng nước RO phục vụ cấp nước uống năm 2026”.

- Nơi nhận: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy (Địa chỉ: Số 398, đường Quốc lộ 1, Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp - SĐT liên hệ: 0898000275).

- Thời hạn: từ ngày ra thông báo đến ngày 28/8/2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm này sẽ không được xem xét và được hoàn trả lại Công ty.

Rất mong sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Giám đốc (để biết);
- Phòng CNTT (để đăng tin);
- Lưu: VT, HCQT(Thảo).

Q. GIÁM ĐỐC

DANH MỤC DỊCH VỤ CÓ YÊU CẦU THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẦU RA

(Kèm theo Công văn số 450/BVĐKCL-HCQT ngày 22 tháng 8 năm 2025)

Stt	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu thực hiện			Kết quả đầu ra
		Thông số	Tần suất	Vị trí lấy mẫu	
1.	Giám sát chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt theo QCVN 1-1:2024/BYT ban hành kèm theo thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	Nhóm A: 10 thông số bao gồm Coliform tổng số; E.coli; Arsenic (As); độ đục; màu sắc; mùi; pH, pecmanganat Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N), Clo dư tự do	01 tháng/01 lần	- Bồn đầu vào hệ thống lọc RO dùng cho thận nhân tạo - Bể chứa nước dưới đất - Vòi nước lavabo rửa tay NVYT bất kỳ tại các khoa phòng	- Thực hiện lấy, bảo quản mẫu đúng quy định và theo tần suất thực hiện của từng loại nhóm thông số. - Các mẫu nước phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận được công nhận phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025 và theo quy định hiện hành - Đọc kết quả giám sát và so sánh với ngưỡng giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 1-1:2024/BYT và theo quy định hiện hành - Đưa ra kết luận trên phiếu trả lời kết quả xét nghiệm theo QCVN 1-1:2024/BYT và theo quy định hiện hành
		Nhóm B: 89 thông số bao gồm 1. Thông số vi sinh vật: Trực khuẩn mũ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>), Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) 2. Thông số hoá học: Antimon (Sb), Bari (Ba), Bor tính chung cho cả Borat và axit, Boric (B), Cadmi (Cd), Chì (Plumbum) (Pb), Clorua (Chloride) (Cl ⁻), Chromi (Cr), Đồng (Cuprum) (Cu), Độ cứng tính theo CaCO ₃ , Florua (Fluoride) (F ⁻), Kẽm (Zincum) (Zn), Mangan (Mn), Natri (Na), Nhôm (Aluminium) (Al), Nickel (Ni), Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N), Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N), Sắt (Ferrum) (Fe), Seleni (Se), Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻), Sunfua (Sulfide) (S ²⁻), Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Xyanua (Cyanide) (CN ⁻). 3. Nhóm Alkan Clo hóa: 1,1,1 - Trichloroethane (C ₂ H ₃ Cl ₃), 1,2 - Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂), 1,2 - Dichloroethene (C ₂ H ₂ Cl ₂), Carbon tetrachloride (CCl ₄), Dichloromethane (CH ₂ Cl ₂), Tetrachloroethene (C ₂ Cl ₂), Trichloroethene (C ₂ HCl ₃), Vinyl chloride (C ₂ H ₃ Cl). 4. Nhóm Hydrocacbua thơm: Benzene (C ₆ H ₆), Ethylbenzene (C ₈ H ₁₀), Pentachlorophenol (C ₆ HCl ₅ O), Styrene (C ₈ H ₈), Toluene (C ₇ H ₈), Xylene (C ₈ H ₁₀). 5. Nhóm Benzen Clo hóa: 1,2 - Dichlorobenzene (C ₆ H ₄ Cl ₃), Monochlorobenzene (C ₆ H ₅ Cl), Tổng Trichlorobenzene (C ₆ H ₃ Cl ₃).	06 tháng/01 lần (vào tháng 06 và tháng 12 năm 2026)		

Stt	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu thực hiện			Kết quả đầu ra
		Thông số	Tần suất	Vị trí lấy mẫu	
		6. Nhóm chất hữu cơ phức tạp: Acrylamide (C_3H_5NO), Epichlorohydrin (C_3H_5ClO), Hexachlorobutadiene (C_4Cl_6). 7. Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật: 1,2- Dibromo - 3 chloropropane ($C_3H_5Br_2Cl$), 1,2 - Dichloropropane ($C_3H_6Cl_2$), 1,3- Dichloropropene ($C_3H_4Cl_2$), 2,4-D ($C_8H_6Cl_2O_3$), 2,4 - DB ($C_{10}H_{10}Cl_2O_3$), Alachlor ($C_{14}H_{20}ClNO_2$), Aldicarb ($C_7H_{14}N_2O_2S$), Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine, Carbofuran ($C_{12}H_{15}NO_3$), Chlorpyrifos ($C_9H_{11}Cl_3NO_3PS$), Chlordane ($C_{10}H_6Cl_8$), Chlorotoluron ($C_{10}H_{13}ClN_2O$), Cyanazine ($C_9H_{13}ClN_6$), DDT ($C_{14}H_9Cl_5$) và các dẫn xuất Dichlorprop ($C_9H_8Cl_2O_3$), Fenoprop ($C_9H_7Cl_3O_3$), Hydroxyatrazine ($C_8H_{15}N_5O$), Isoproturon ($C_{12}H_{18}N_2O$), MCPA ($C_9H_9ClO_3$), Mecoprop ($C_{10}H_{11}ClO_3$), Methoxychlor ($C_{16}H_{15}Cl_3O_2$), Molinate ($C_9H_{17}NOS$), Pendimethalin ($C_{13}H_{19}N_3O_4$), Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$), Propanil ($C_9H_9Cl_2NO$), Simazine ($C_7H_{12}ClN_5$), Trifluralin ($C_{13}H_{16}F_3N_3O_4$) 8. Nhóm hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ: 2,4,6-Trichlorophenol($C_6H_2Cl_3OH$), Bromat(BrO_3), Formaldehyde (CH_2O), Monochloramine (NH_3Cl). 9. Nhóm Trihalomethane (THM): Bromodichloromethane ($CHBrCl_2$), Bromoform ($CHBr_3$), Chloroform ($CHCl_3$) Dibromochloromethane ($CHBr_2Cl$) 10. Nhóm Halogenated acetonitrile: Dibromoacetonitrile (C_2HBr_2N), Dichloroacetonitrile(C_2HCl_2N), Trichloroacetonitrile (C_2Cl_3N) 11. Nhóm Haloacetic acid (HAA): Acid monochloroacetic ($C_2H_3ClO_2$), Acid dichloroacetic ($C_2H_2Cl_2O_2$), Acid trichloroacetic ($C_2HCl_3O_2$) 12. Thông số nhiễm xạ: Tổng hoạt độ phóng xạ α Tổng hoạt độ phóng xạ β			
2.	Giám sát chất lượng	Nhóm A: 21 thông số bao gồm Stibi, Arsen, Bari, Bor, Bromat,	01	Vòi lấy	- Thực hiện lấy, bảo

Stt	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu thực hiện			Kết quả đầu ra
		Thông số	Tần suất	Vị trí lấy mẫu	
	nước RO phục vụ cấp nước uống theo QCVN số 6-1:2010/BYT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với đồ uống biên soạn, Cục An toàn vệ sinh thực phẩm trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế.	Cadmi, Clor, Clorat, Clorit, Crom, Đồng, Cyanid, Fluorid, Chì, Mangan, Thủy ngân, Molybden, Nickel, Nitrat, Nitrit, Selen - 05 thông số vi sinh vật: <i>E. coli</i> hoặc coliform chịu nhiệt, Coliform tổng số, <i>Streptococci feacal</i> , <i>Pseudomonas aeruginosa</i> , bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	năm/ 01lần	nước uống từ hệ thống lọc nước RO	quản mẫu đúng quy định - Các mẫu nước phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm và phương pháp thử theo quy định tại QCVN 6-1:2010/BYT và theo quy định hiện hành - Đọc kết quả giám sát và so sánh với giới hạn tối đa tại phụ lục II của quy chuẩn QCVN 6-1:2010/BYT và theo quy định hiện hành - Đưa ra kết luận trên phiếu trả lời kết quả xét nghiệm theo QCVN 6-1:2010/BYT và theo quy định hiện hành